Cơ quan: Văn phòng Ủy ban Nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Email: q4@tphcm.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /QĐ-UBND-TH	*Quận 4, ngày 13 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Quận 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch theo Tờ trình số 13/TTr-TCKH ngày 10 tháng 01 năm 2023 về công khai dự toán ngân sách Quận 4 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Quận 4 *(Theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT.UBND Quận 4;
- VP Quận ủy Quận 4;
- Lưu: Vt. 756.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

BÁO CÁO THUYẾT MINH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 CỦA QUẬN 4

(Kèm theo Quyết định số 40 /QĐ-UBND-TH ngày 13 tháng 01 năm 2023)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 4 thuyết minh dự toán ngân sách năm 2023 của Quận 4 như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: 802,043 tỷ đồng tăng 27% tương ứng tăng 170,708 tỷ đồng so với dự toán chi năm 2022 (631,335 tỷ đồng), cụ thể:

3.1. Sự nghiệp kinh tế- môi trường: 84,103 tỷ đồng, tăng 5,75% tương ứng tăng 4,578 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (79,525 tỷ đồng): do tăng kinh phí chăm sóc cây xanh.

3.2. Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 312,463 tỷ đồng, tăng 34,16% tương ứng tăng 79,566 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (232,897 tỷ đồng), tăng kinh phí Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND do tăng hệ số từ 1,2 lên hệ số 1,8.

3.3. Sự nghiệp y tế: 75,855 tỷ đồng, tăng 65,5% tương ứng tăng 30,048 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (45,807 tỷ đồng) do tăng kinh phí Trung tâm Y tế Quận 4 và kinh phí dân số.

3.4. Sự nghiệp văn hóa thông tin: 7,635 tỷ đồng, tăng 69,29% tương ứng tăng 3,125 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (4,510 tỷ đồng), tăng kinh phí Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND do tăng hệ số từ 1,2 lên hệ số 1,8.

3.5. Sự nghiệp thể dục thể thao: 3,028 tỷ đồng, tăng 44,7% tương ứng giảm 0,936 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (2,092 tỷ đồng), tăng kinh phí Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND do tăng hệ số từ 1,2 lên hệ số 1,8.

3.6. Sự nghiệp xã hội: 67,485 tỷ đồng, giảm 2,17% tương ứng giảm 1,497 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (68,982 tỷ đồng) do giảm số lượng đối tượng trợ cấp hàng tháng.

3.7. Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 204,713 tỷ đồng, tăng 22,6% tương ứng tăng 37,760 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (166,953 tỷ đồng), tăng kinh phí Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND do tăng hệ số từ 1,2 lên hệ số 1,8.

3.*8. Quốc phòng an ninh:* 46,761 tỷ đồng, tăng 52,9% tương ứng tăng 16,192 tỷ đồng so với dự toán năm 2022 (30,569 tỷ đồng) tăng kinh phí ngày công lao động và tiền ăn cho lực lượng dân quân tự vệ.

Trên đây là thuyết minh công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Quận 4.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-UBND-TH ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng UBND	Phòng Tư pháp	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng Nội vụ	Phòng Kinh tế
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**802.043**	**802.043**	**19.232**	**2.909**	**30.768**	**25.247**	**91.568**	**6.127**	**3.269**
1	***Chi quản lý hành chính***	***204.713***	***204.713***	***19.232***	***2.869***	***8.816***	***4.428***	***4.059***	***5.927***	***3.269***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	86.633	86.633	5.997	1.392	1.755	2.468	2.222	2.427	1.452
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	118.080	118.080	13.236	1.477	7.061	1.961	1.838	3.500	1.818
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***312.463***	***312.463***	***-***	***-***	***1.000***	***17.009***	***1.408***	***200***	***-***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.349	13.349				13.349	-		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	299.114	299.114			1.000	3.660	1.408	200	
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***75.855***	***75.855***	***-***	***-***	***5.000***	***3.809***	***24.480***	***-***	***-***
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	75.855	75.855			5.000	3.809	24.480		
4	***Chi bảo đảm xã hội***	***67.485***	***67.485***	***-***	***-***	***4.428***	***-***	***61.621***	***-***	***-***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	67.485	67.485			4.428		61.621		
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***40.463***	***40.463***	***-***	***40***	***2.013***	***-***	***-***	***-***	***-***
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40.463	40.463		40	2.013				
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***43.640***	***43.640***	***-***	***-***	***900***	***-***	***-***	***-***	***-***

6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	43.640	43.640			900				
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	***7.635***	***7.635***	-	-	***2.035***	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.635	7.635			2.035				
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	***3.028***	***3.028***	-	-	***500***	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.028	3.028			500				
9	***Chi Quốc phòng***	***31.728***	***31.728***	-	-	***542***	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.737	3.737							
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	27.991	27.991			542				
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	***15.033***	***15.033***	-	-	***5.535***	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15.033	15.033			5.535				

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Phòng Y tế	Phòng Quản lý đô thị	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thanh tra	UB. Mặt trận Tổ quốc Quận 4	Hội Liên hiệp Phụ Nữ Quận 4	Hội Cựu chiến binh Quận	Quận đoàn Quận 4	Hội Chữ thập đỏ Quận 4
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**4.714**	**9.429**	**11.999**	**2.417**	**2.527**	**3.999**	**2.949**	**1.446**	**2.649**	**796**
1	***Chi quản lý hành chính***	***2.621***	***9.429***	***4.194***	***2.417***	***2.527***	***3.999***	***2.919***	***1.446***	***2.619***	***796***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.421	5.983	2.358	1.264	1.386	1.389	1.217	693	1.338	596
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.200	3.446	1.836	1.153	1.141	2.610	1.702	753	1.281	200
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***1.613***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.613									
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	***655***	-	-	-	***30***	-	***30***	-
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			655				30		30	

STT	Nội dung	Trong đó									
		Phòng Y tế	Phòng Quản lý đô thị	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thanh tra	UB. Mặt trận Tổ quốc Quận 4	Hội Liên hiệp Phụ Nữ Quận 4	Hội Cựu chiến binh Quận	Quận đoàn Quận 4	Hội Chữ thập đỏ Quận 4
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	***7.150***	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			7.150							
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	***480***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	480									
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non 2	Mầm non 3	Mầm non 6	Mầm non 9	Mầm non 10	Mầm non 12	Mầm non 14	Mầm non 15	Mầm non 18	Mầm non Ban Mai
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**8.053**	**5.713**	**6.272**	**5.116**	**5.029**	**5.369**	**3.533**	**7.233**	**3.535**	**10.266**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***8.053***	***5.713***	***6.272***	***5.116***	***5.029***	***5.369***	***3.533***	***7.233***	***3.535***	***10.266***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.053	5.713	6.272	5.116	5.029	5.369	3.533	7.233	3.535	10.266
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non 2	Mầm non 3	Mầm non 6	Mầm non 9	Mầm non 10	Mầm non 12	Mầm non 14	Mầm non 15	Mầm non 18	Mầm non Ban Mai
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non Sao Mai 12	Mầm non Sao Mai 13	Mầm non Nguyễn Tất Thành	Tiểu học Bạch Đằng	Tiểu học Bến Cảng	Tiểu học Đặng Trần Côn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	Tiểu học Đống Đa	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Tiểu học Lý Nhơn
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**8.845**	**8.245**	**9.753**	**8.229**	**6.547**	**9.438**	**10.235**	**5.787**	**7.041**	**7.394**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	*8.845*	*8.245*	*9.753*	*8.229*	*6.547*	*9.438*	*10.235*	*5.787*	*7.041*	*7.394*
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.845	8.245	9.753	8.229	6.547	9.438	10.235	5.787	7.041	7.394
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non Sao Mai 12	Mầm non Sao Mai 13	Mầm non Nguyễn Tất Thành	Tiểu học Bạch Đằng	Tiểu học Bến Cảng	Tiểu học Đặng Trần Côn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	Tiểu học Đống Đa	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Tiểu học Lý Nhơn
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Tiểu học Nguyễn Huệ 1	Tiểu học Lê Thánh Tôn	Tiểu học Ng Trường Tộ	Tiểu học Ng Văn Trỗi	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học Vĩnh Hội	Tiểu học Xóm Chiếu	Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	Trung học cơ sở Quang Trung	Trung học cơ sở Vân Đồn
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**4.006**	**6.764**	**7.400**	**13.889**	**5.360**	**7.988**	**8.922**	**15.639**	**13.897**	**14.390**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***4.006***	***6.764***	***7.400***	***13.889***	***5.360***	***7.988***	***8.922***	***15.639***	***13.897***	***14.390***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.006	6.764	7.400	13.889	5.360	7.988	8.922	15.639	13.897	14.390
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

STT	Nội dung	Trong đó									
		Tiểu học Nguyễn Huệ 1	Tiểu học Lê Thánh Tôn	Tiểu học Ng Trường Tộ	Tiểu học Ng Văn Trỗi	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học Vĩnh Hội	Tiểu học Xóm Chiếu	Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	Trung học cơ sở Quang Trung	Trung học cơ sở Vân Đồn
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Trung học cơ sở Chi Lăng	Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ	Trung học cơ sở Khánh Hội	Chuyên biệt 1/6	Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Công an quận	Ban chỉ huy Quân sự Quận 4	Ban QLDAĐ TXDKV Quận 4	Ban BTGPMB Quận 4	Trung tâm Y tế
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**15.531**	**16.378**	**12.974**	**3.141**	**4.934**	**2.814**	**5.440**	**69.617**	**1.493**	**40.953**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	*15.531*	*16.378*	*12.974*	*3.141*	*4.934*	-	-	-	-	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15.531	16.378	12.974	3.141	4.934					
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*40.953*
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										40.953
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	*194*	-	*34.027*	*1.493*	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						194		34.027	1.493	

STT	Nội dung	Trong đó									
		Trung học cơ sở Chi Lăng	Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ	Trung học cơ sở Khánh Hội	Chuyên biệt 1/6	Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Công an quận	Ban chỉ huy Quân sự Quận 4	Ban QLDAĐ TXDKV Quận 4	Ban BTGPMB Quận 4	Trung tâm Y tế
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	***35.590***	-	
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								35.590		
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	***5.440***	-	-	
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ							5.440			
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	***2.620***	-	-	-	
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						2.620				

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó							
		Trung tâm Văn hóa	Nhà Thiếu Nhi	Trung tâm Thể dục Thể thao	Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 6
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**4.233**	**1.447**	**2.528**	**10.987**	**13.107**	**11.768**	**12.398**	**11.573**
1	***Chi quản lý hành chính***	*-*	*-*	*-*	***8.482***	***9.921***	***9.005***	***9.607***	***9.127***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				3.754	4.022	3.823	4.066	3.885
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				4.728	5.899	5.182	5.541	5.242
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
4	***Chi bảo đảm xã hội***	*-*	*-*	*-*	***67***	***150***	***93***	***108***	***99***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				67	150	93	108	99
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***80***	*-*	*-*	***96***	***184***	***112***	***136***	***137***
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	80			96	184	112	136	137

STT	Nội dung	Trong đó							
		Trung tâm Văn hóa	Nhà Thiếu Nhi	Trung tâm Thể dục Thể thao	Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 6
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	***4.153***	***1.447***	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.153	1.447						
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	***2.528***	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			2.528					
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	***1.889***	***2.012***	***1.998***	***1.937***	***1.820***
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				239	345	340	336	230
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				1.650	1.667	1.658	1.601	1.590
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	***453***	***840***	***560***	***611***	***390***
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				453	840	560	611	390

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó							
		Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Phường 18
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**12.551**	**11.521**	**11.081**	**13.586**	**12.463**	**12.650**	**12.740**	**12.201**
1	***Chi quản lý hành chính***	***9.727***	***9.076***	***8.698***	***10.567***	***9.707***	***9.872***	***9.699***	***9.658***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.972	3.899	3.758	4.223	4.057	3.958	3.916	3.943
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.755	5.177	4.940	6.344	5.650	5.914	5.783	5.715
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
4	***Chi bảo đảm xã hội***	***110***	***75***	***114***	***165***	***139***	***130***	***116***	***70***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	110	75	114	165	139	130	116	70
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***175***	***96***	***128***	***279***	***188***	***124***	***162***	***86***
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	175	96	128	279	188	124	162	86

STT	Nội dung	Trong đó							
		Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Phường 18
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
9	***Chi Quốc phòng***	***2.050***	***1.770***	***1.836***	***1.896***	***2.010***	***1.979***	***2.124***	***1.947***
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	312	215	257	238	315	292	363	256
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.738	1.555	1.578	1.658	1.695	1.687	1.761	1.692
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	***489***	***504***	***306***	***679***	***420***	***546***	***639***	***441***
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	489	504	306	679	420	546	639	441